TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2026.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Thi.

2. Bà Phạm Minh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 535/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2026/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1990; đăng ký thường trú: Số A, Tỉnh lộ 43, Khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); tạm trú: Tổ E, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Đinh Quốc T1, sinh năm 1993; đăng ký thường trú: Số A, tỉnh lộ 43, khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Đức L, Tổ C, ấp B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Nhà bà Lưu Thị Kim D, Tổ A, ấp1, đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 5 năm 2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Vũ Thị T trình bày:

Bà Vũ Thị T và ông Đinh Quốc T1 tự nguyện tìm hiểu, chung sống, có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau này thì

phát sinh mâu thuẫn, không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau do bất đồng quan điểm và mâu thuẫn trong cuộc sống. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Đinh Quốc T1.

Về con chung: có 01 con chung tên Đinh Quốc Đ, sinh ngày 23/02/2019. Khi ly hôn, bà Vũ Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đầy đủ các thủ tục quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vắng mặt là phù hợp. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Vũ Thị T khởi kiện ông Đinh Quốc T1 yêu cầu ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con chung; bị đơn có nơi cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị T và ông Đinh Quốc T1 chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của bà T và ông T1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có sự yêu thương tôn trọng lẫn nhau. Ông T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên tòa thể hiện việc không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà T.

Nhận thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc bà T và ông T1 là vợ chồng nhưng không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; thuộc trường hợp hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Vũ Thị T và ông Đinh Quốc T1 có 01 con chung tên Đinh Quốc Đ, sinh ngày 23/02/2019. Khi ly hôn, bà Vũ Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; không yêu cầu cấp dưỡng. Xét yêu cầu của bà T là có căn cứ, phù hợp nguyện vọng của con chung và quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị T đối với bị đơn ông Đinh Quốc T1 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về hôn nhân: Bà Vũ Thị T được ly hôn với ông Đinh Quốc T1.

- Về con chung: Giao cháu Đinh Quốc Đ, sinh ngày 23/02/2019 cho bà Vũ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung, quyền và nghĩa vụ dân sự khác của vợ chồng: Nguyên đơn không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006453 ngày 12/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- UBND phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Minh Đạo